

Số: 74/QĐ-BVNTBN

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 sau sắp xếp
của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NỘI TIẾT BẮC NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/2/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-SYT ngày 01/08/2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Phụ trách Phòng Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 sau sắp xếp của Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phụ trách phòng kế toán, Trưởng, phó các khoa phòng và các cá nhân, khoa phòng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo đơn vị;
- Website bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh;
- Lưu VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Xuân Thức

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

Đơn vị: Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh

Mã số QHNS: 1124906

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVNTBN ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Giám đốc
Bệnh viện Nội tiết Bắc Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

Chương: 423

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
A	B	1
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	28.432
I	Số thu phí, lệ phí	28.432
1	Thu phí, lệ phí (Phí giám định)	
2	Thu dịch vụ	28.432
3	Thu khác	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	28.357
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
1.1	Thu phí, lệ phí	
1.2	Thu dịch vụ	28.357
1.3	Thu khác	
2	Chi quản lý hành chính	
1	Thu phí, lệ phí	
2	Thu dịch vụ	
3	Thu khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	75
1	Thu phí, lệ phí	
2	Thu dịch vụ	75
3	Thu khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.642
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.642
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế	6.642
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.642
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	

5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	